

DANH SÁCH KHÔNG ĐẠT TỐT NGHIỆP

Học kỳ 2 Năm học: 2025-2026
Đại học VLVH_liên thông Cao Đẳng, ngành , khóa 2022 - 2024
ngày ; Lớp 22LC43(3); Mã TC: TN22LC43(3)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung 150
Điểm Trung Bình Tích Lũy 5.00

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
1	22843105	NGUYỄN CHƠN ÁNH	22LC43SP3L	148	6.67	MTNC330925	Máy và hệ thống điều khiển số	3		2023-2024-HK02	4.9
2	22843117	CAO VĨNH HÒA	22LC43SP3L	142	6.95	GCHE130603	Hoá đại cương	3		2023-2024-HK01	4.3
						MATH132601	Toán 3	3		2023-2024-HK01	4.5
						PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK01	0.0
						01	Công nghệ chế tạo máy		01		
3	22843120	BÙI CHÁNH KHANG	22LC43SP3L	149	6.83	01	Công nghệ chế tạo máy		01		
4	22843125	ĐỖ THÀNH LONG	22LC43SP3L	150	6.97	PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK01	0.0
5	22843124	NGUYỄN NGỌC LONG	22LC43SP3L	148	6.71	PMMT311625	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024-2025-HK01	0.0
						STOG423425	chuyên đề tốt nghiệp 3	2		2024-2025-HK02	3.8
6	22843129	CAO ĐỖ TRÍ NGUYỄN	22LC43SP3L	147	6.63	EPHT210629	TN Công nghệ thuỷ lực và khí nén	1		2023-2024-HK02	4.0

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
6	22843129	CAO ĐỖ TRÍ NGUYỄN	22LC43SP3L	147	6.63	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK01	0.0
						STOG423425	chuyên đề tốt nghiệp 3	2		2024- 2025- HK02	4.3
7	22843136	TRẦN VÕ ĐÔNG PHƯƠNG	22LC43SP3L	150	6.68	PMMT31162 5	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		2024- 2025- HK01	0.0
8	22843135	VÕ NGUYỄN TÂN PHƯƠNG	22LC43SP3L	148	6.72	GCHE130603	Hoá đại cương	3		2024- 2025- HK02	4.7

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Công nghệ chế tạo máy :	4 TC (Min)	
MMAT344225	Công nghệ chế tạo máy	4
IMAS320525	Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp	2
MMAT334325	Công nghệ chế tạo máy	3
TN Trang bị điện-điện tử trong MCN :	1 TC (Min)	
ELDR312025	TN Trang bị điện-điện tử trong MCN	1
PELD315125	Thực tập trang bị điện - điện tử trên máy công nghiệp	1